

SỐ 1597

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

Tác giả: Bồ-tát Thế Thân.

Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang

QUYỂN 1

PHẦN THỨ 1: NÊU TỔNG QUÁT VỀ CƯƠNG YẾU

*Phá trừ sở tri chướng tối tăm,
Tận cùng sở hữu, như sở hữu,
Các pháp, chân tục lý trong ảnh.
Vọng chấp hưng tranh nơi dị kiến.
Đây do lừa hẩn các phân biệt,
Trí quang minh thanh tịnh, vô cấu
Đạt được tam Bồ-đề tối thắng,
Hoặc chướng và tập đoạn thường trụ.
Đạt không công dụng khắp mười phương,
Tùy ý ưa thích của hữu tình,
Mở bày thù thắng rất rộng lớn,
Phương tiện của ba thứ giải thoát.
Do có đại bi không phân biệt,
Sinh tử, Niết-bàn đều không trụ,
Do thâm huệ diệu phương tiện khéo
Rốt ráo đến cùng lợi tự tha.
Như vậy nẻo giác của Thế Tôn,
Đồng chỗ khai thị pháp vi diệu,*

Nếu nơi pháp này khéo tu hành,
Thì được dấu cam lồ tịch tĩnh.
Phủ bóng bị đọa chìm không đáy,
Chìm nổi triền miên biển khổ lớn,
Tăng học, vô học trong đạo quả,
Hay hơn tất cả các tăng khác.
Sông công đức Thiện thế vô cấu,
Trong đó mà tắm gội, chân thật
Vi đời làm phước điền Vô thượng,
Tuy chỉ gieo vào ít thiện thôi!
Nhưng liền rộng lớn như địa không,
Trí huệ do đây được giải thoát,
Nên ta thân ngữ tư chí thành,
Gồm tu thuận hợp, quy mạng lễ!
Các sư quĩ phạm nay giảm ít,
Chân pháp, chánh lý, nhiều ô trược,
Đều do người tà mạng thông tuệ,
Nương tự tâm tư mất giáo chứng.
Sư ta pháp này không trước sau,
Phụng sự bậc Thánh đại từ tôn,
Nương dựa xuất thế gian vô động,
Phóng đại pháp quang Tam-ma-địa.
Xiển dương pháp diệu truyền tiếng tốt,
Như ánh mặt trời chiếu mười phương,
Văn quang vô cấu rất thậm thâm,
Các kinh liễu nghĩa chỗ tùy thuận.
Câu nghĩa lớn rộng đều vi diệu,
Đều lấy hay đẹp tự trang nghiêm,
Khiến người thông đạt tâm dung thông,
Không đua nịnh, kiêu sinh kính ái.
Pháp huệ khó thông đều không vướng,
Không trụ trong lợi dưỡng ngợi khen,
Thường không có tâm nhiễm nơi lạc,
Cho nên quyết định xứng đức mình.
Được chư Hiền Thánh thường thân cận,
Tất cả thế gian đều biết đến,
Danh xưng vô trước khắp đều nghe,
Công đức hiển rõ chỗ khen ngợi.

*Cơn mưa của bậc biện vô tận ,
 Văn nghĩa cam lộ pháp vi diệu,
 Nhiều từ kia nghe, tự lực mỏng,
 Thọ ít cũng như chim xin mưa.
 Từ rộng chọn lựa gom ít phần,
 Sơ lược giải thích nhiếp đại thừa,
 Nguyên giải thích nầy lợi ích khắp,
 Sợ nơi biển văn quá rộng lớn!*

Luận nói: “Trong kinh Đại thừa A-tỳ-đạt-ma, trước đức Bạc-già-phạm khéo nhập Đại thừa Bồ-tát để hiển thể lớn lao của Đại thừa, nên nói, căn cứ vào Đại thừa. Chư Phật Thế Tôn có mười tướng thù thắng, thù thắng ngữ”.

Giải thích: Nướng vào nghĩa gì, theo chỗ nhân là gì mà nói như vậy? Đối tượng nhận thức rất rộng, pháp tánh rất lớn. Nếu lìa uy lực của chư Phật Bồ-tát, thì ai trong đây có thể tạo thích luận giải? Lại do nghĩa gì mà đối với luận nầy ban đầu nói nguyên nhân của các sự như vậy? Nếu lìa lời nói nêu trong kinh Đại thừa A-tỳ-đạt-ma, thì không hiểu rõ luận là nghĩa ấy của Thánh giáo. Lại nữa, để hiển tên kinh, như nói kinh Thập địa, nên nói “kinh Đại thừa A-tỳ-đạt-ma nói”. Lại có nghĩa khác để hiển kinh đó là Thánh giáo, cho nên ban đầu nói “kinh Đại thừa A-tỳ-đạt-ma nói” như vậy. Hiện tại tạo luận nầy có chỗ ứng dụng, là muốn mở bày cho những người không biết, vì để hiển biệt danh của pháp môn nên nêu “A-tỳ-đạt-ma”, để hiển tên chung cho nên nêu “kinh nói”, để lựa riêng A-tỳ-đạt-ma của Thanh-văn nên nêu “Đại thừa”. Do hiện tại cũng có A-tỳ-đạt-ma không phải bậc Thánh nói, như hiện có người tự có huệ tầm tư, cho là Phật thuyết A-tỳ-đạt-ma, hoặc Thanh-văn thuyết, hoặc thế trí tạo. Lại nữa, nói Tô-đát-lãm Đại thừa, vì muốn hiển thị khác Thanh-văn... hay là muốn hiển thị thuộc về tạng Bồ-tát? Lại nêu A-tỳ-đạt-ma đó, cũng là tạng gồm thâu, là nhập tự tông tạng Tô-đát-lãm hiện diệt tự hoặc, tạng Tỳ-nại-da tức là phiền não của Bồ-tát trong Đại thừa, vì chủng chủng phân biệt của chư Bồ-tát làm phiền não, không trái với A-tỳ-đạt-ma tối thắng, rộng lớn sâu xa là tướng của nó.

Ba tạng trong đây: 1. Tạng Tô-đát-lãm. 2. Tạng Tỳ-nại-da. 3. Tạng A-tỳ-đạt-ma. Như vậy tam tạng của hạ thừa và thượng thừa có sai biệt cho nên trở thành nhị tạng: 1. Tạng Thanh-văn. 2. Tạng Bồ-tát. Ba tạng và nhị tạng nầy do duyên gì gọi là tạng? Do là tất cả nghĩa phải biết.

Lại do duyên gì kiến lập ba tạng? Do chín thứ duyên: 1. Để đối trị nghi hoặc mà lập tạng Tô-đát-lãm, nếu trong những nghĩa đó có nghi hoặc, thì vì quyết định nói những nghĩa đó. 2. Để đối trị thọ dụng nhị biên mà lập tạng Tỳ-nại-da, là để ngăn cản sự thọ dụng bên phía nhiễm chấp, dục lạc có tội, và khai mở sự thọ dụng bên phía không có tội không có tự khổ. 3. Để đối trị kiến thủ chấp của tự mình mà lập tạng A-tỳ-đạt-ma, để chiếu hiển tướng vô đảo của các pháp. 4. Lại nữa, có thể nói ba học để lập tạng Tô-đát-lãm. 5. Có thể làm thành giới học tăng thượng, tâm học tăng thượng mà lập tạng Tỳ-nại-da, là đủ thi-la tức là không có hối... vì dần dần đắc Tam-ma-địa. 6. Có thể làm thành huệ học tăng thượng cho nên lập tạng A-tỳ-đạt-ma, là có thể chọn lựa nghĩa vô đảo. 7. Lại nữa, có thể nói nghĩa pháp nên lập tạng Tô-đát-lãm. 8. Có thể làm thành đầy đủ nghĩa pháp nên lập tạng Tỳ-nại-da, là để điều phục phiền não và siêng tu hành, thì đối với hai tạng này có thể thông đạt. 9. Có thể đối với nghĩa pháp chọn lựa thiện xảo nên lập tạng A-tỳ-đạt-ma. Do chín duyên này mà thừa nhận lập ba tạng. Lại nữa, tam tạng này đều vì giải thoát sinh tử, làm sao có thể giải thoát được? Vì huân tập giác ngộ tịch tĩnh thông đạt nên được giải thoát, là do văn huân tập tâm, do tư giác ngộ, do tu Xa-ma-tha tịch tĩnh, do chứng Tỳ-bát-xá-na thông đạt mà có thể đắc giải thoát. Lại nữa, nếu lược nói Tô-đát-lãm, Tỳ-nại-da, A-tỳ-đạt-ma, thì mỗi mỗi đều có bốn nghĩa. Bồ-tát đối với bốn nghĩa này nếu biết rõ đầy đủ thì có thể chứng đắc tánh nhất thiết trí. Thanh-văn đối với bốn nghĩa này tuy chỉ hiểu rõ một nghĩa kệ tụng thì cũng được lậu tận. Thế nào ba tạng này mỗi mỗi đều có bốn nghĩa? Là có thể xuyên suốt chỗ dựa, tướng, pháp, nghĩa nên gọi là Tô-đát-lãm.

Chỗ dựa trong đây, là đối với xứ kia thì do đấy và vì đây mà có sở thuyết giảng.

Tướng, là tướng thế tục đế, tướng thắng nghĩa đế.

Pháp, là uẩn, giới, xứ, duyên khởi đế, thực (ãn), tĩnh lực, vô lượng, vô sắc, giải thoát, thắng xứ, biến xứ, Bồ-đề phần, vô ngại giải, không tránh.

Nghĩa, là tùy mật ý, đối, số, phục, thông, phải biết gọi là A-tỳ-đạt-ma.

A-tỳ-đạt-ma cũng gọi là đối pháp, vì pháp này đối hướng niết bàn vô trụ có thể nói đế, Bồ-đề phần, môn giải thoát..

A-tỳ-đạt-ma cũng gọi là số pháp, là đối với từng pháp mà nói từng số huấn thích, ngôn từ, tự tướng, cộng tướng với vô lượng sai biệt.

A-tỳ-đạt-ma cũng gọi là phục pháp, vì do đấy mà đầy đủ xứ sở...

của luận, có thể chế ngự thắng luận của kẻ khác.

A-tỳ-đạt-ma cũng gọi là thông pháp, vì do đây có thể giải thích thông nghĩa của Tô-đát-lãm.

Phạm tội, đấng khởi, hoàn tịnh, xuất ly, phải biết gọi là Tỳ-nại-da. Phạm tội trong đây là năm chúng tội, đấng khởi, là do vô tri, phóng dật, phiền não thịnh, bất tôn kính mà phạm các tội. Hoàn tịnh, là do ý lạc, không do tội phạt như thọ luật nghi. Xuất ly, có bảy thứ: 1. Mỗi mỗi tương đối nói chỗ phạm của hối. 2. Thệ thọ tội phạt, là thọ học... 3. Đồng có phương hại, trước hết chế học xứ, sau đó do môn khác mở thừa nhận lại. 4. biệt cánh chỉ tức (riêng thay đổi cấm chế), là tăng hoà hợp trở lại xả chỗ cấm chế. 5. Chuyển y, là Bí-sô, Bí-sô ni chuyển hình nam nữ, nên xả tội bất cộng. 6. Do quán chân thật, khởi các hành tướng quán của pháp ốt-đà-nam thù thắng. 7. Do đắc pháp nhĩ, là do kiến đế pháp nhĩ đắc không có tiểu tùy và tiểu tội. Phải biết Tỳ-nại-da cũng có bốn nghĩa: 1. Vì Bồ-đặc-già-la, hữu tình đức Thế Tôn nương vào nghĩa này mà chế học xứ. 2. Chế lập, là bố cáo cho biết chỗ phạm tội lỗi của Bồ-đặc-già-la kia đại sự tập hợp tăng, chế học xứ. 3. Phân biệt, là chế học xứ xong rồi, giải thích rộng, trước hết là lược nói. 4. Phán quyết, là trong đó mà phán quyết chỗ phạm lỗi. Thế nào là có tội, thế nào là vô tội?

Bây giờ, sẽ giải thích bản văn. Trước “Đức Bạc-già-phạm”, là hiển có chỗ tôn kính nên không có lời nói nào khác. “Đã khéo nhập Đại thừa”, là do đã đắc nghĩa công đức thù thắng của các đà-ra-ni, hiển thị đã đắc các công đức này. Đối với nghĩa, đối với văn có thể chánh nhận giữ, có thể chánh khai thị, như vậy gọi là “Bồ-tát”. Vì nghĩa gì mà nói? “Để hiển thể lớn lao của Đại thừa” cho nên nói. Chỗ nói “hiển”, là khai phát Đại thừa thật có đại thể. Nương vào Đại thừa, là y chỉ Đại thừa mà khởi nói. “Có mười tướng thù thắng ngôn ngữ thù thắng”, tức là do chỗ ngữ thù thắng của mười thứ thù thắng kia, gọi là mười tướng ngữ thù thắng thù thắng. Thù thắng ngôn này là nghĩa sai biệt, cả hai đối đãi lẫn nhau, ví như nghĩa này thù thắng hơn nghĩa kia. Lại nữa, nghĩa tối thượng là nghĩa thù thắng, hoặc là khác loại, thì nghĩa nhân thù thắng nên ngữ là quả thù thắng. Bây giờ sẽ nói mười thứ biệt tướng này.

Luận nói: “1. Chỗ dựa của đối tượng nhận thức thù thắng, thù thắng ngữ. 2. Tướng của đối tượng nhận thức thù thắng, thù thắng ngữ. 3. Nhập tướng của đối tượng nhận thức thù thắng, thù thắng ngữ. 4. Bỏ nhân quả thù thắng, thù thắng ngữ. 5. Bỏ nhân quả tu sai biệt thù thắng, thù thắng ngữ. 6. Giới tăng thượng thù thắng, thù thắng ngữ trong tu sai biệt. 7. Tâm tăng thượng thù thắng, thù thắng ngữ trong tu sai biệt.

8. Huệ tăng thượng thù thắng, thù thắng ngữ trong tu sai biệt. 9. Bỉ quả đoạn thù thắng, thù thắng ngữ. 10. Bỉ quả trí thù thắng, thù thắng ngữ. Do điều nói này mà từng câu kệ kinh của chư Phật Thế Tôn, hiển thị Đại thừa đúng là Phật ngữ”.

Giải thích: Trong đây chỗ dựa của đối tượng nhận thức thù thắng, thù thắng ngữ, là chỗ phải biết được, cho nên gọi là đối tượng nhận thức, chỗ gọi là các pháp tạp nhiễm và thanh tịnh tức là ba tự tánh. Ý nghĩa là nhân, chỗ dựa của đối tượng nhận thức này tức là thù thắng nên gọi là chỗ dựa của đối tượng nhận thức thù thắng, do thù thắng này nên ngữ thù thắng. Chỗ dựa này tức là thức A-lại-da, như vậy trì nghiệp thích cho đến quả trí kia thù thắng cũng vậy. Nói quả trí kia tức là thù thắng nên gọi là bỉ quả trí thù thắng.

Tướng của đối tượng nhận thức, là nghĩa tự tánh của đối tượng nhận thức. Đối tượng nhận thức tức là tướng, nên gọi là tướng của đối tượng nhận thức.

Nói ba tự tánh nhập là đối với hoặc chủ thể nhập hoặc chánh nhập tức là duy thức tánh.

Bỉ nhập nhân quả, là chủ thể nhập bỉ, nên gọi là bỉ nhập, tức là ngộ nhập tánh lý của duy thức. Nhân là thời gia hạnh, là thí thế gian... nơi các Ba-la-mật-đa, quả là thời thông đạt, là thí xuất thế gian nơi các Ba-la-mật-đa.

Bỉ nhân quả tu sai biệt, tức là nhân quả kia nên gọi là bỉ nhân quả, tức là sai biệt của tu trong đây. Tu là luyện tập, tức là luyện tập lần lượt thù thắng trong các địa, nên gọi là sai biệt, tức là mười địa, tức tu như vậy trong sai biệt.

Giới tăng thượng, là trong mười địa nương vào giới mà học nên gọi là giới tăng thượng, tức là chỗ có luật nghi của chư Bồ-tát đối với các bất thiện không khởi tâm lại nữa.

Tâm tăng thượng, là trong nội tâm hoặc nương ngay nơi tâm mà học, nên gọi là tâm tăng thượng, tức các Tam-ma-địa. Huệ tăng thượng, là tiến đến chứng huệ nên gọi là huệ tăng thượng, hoặc nương huệ mà học nên gọi là huệ tăng thượng, tức là trí Vô phân biệt.

Đoạn thù thắng, là phẩm phân biệt tối thắng bên trong khi xả phiền não và đối tượng nhận thức chướng, tức là Niết-bàn vô trụ.

Trí thù thắng, thù thắng ngữ, là vô trí chướng gọi là trí thù thắng, là trí Vô phân biệt kia có chỗ đối trị, hiện tại Phật trí này đã lìa tất cả chướng và tùy miên, gọi đó là ở nơi trí Vô phân biệt là Phật trí thù thắng.

Luận nói: “Lại nữa, thế nào là có thể hiển bày chỗ nói về mười xứ này? Đối với Thanh-văn thừa thì chưa từng thấy nói, chỉ có trong Đại thừa các kinh luận đều thấy nói, là thức A-lại-da gọi là chỗ dựa của thể nơi đối tượng nhận thức, ba thứ tự tánh là tự tánh y tha khởi, tự tánh biến kế sở chấp và tự tánh viên thành thật gọi là thể nơi tướng của đối tượng nhận thức, duy thức tánh gọi là nhập vào thể nơi tướng của đối tượng nhận thức, sáu Ba-la-mật-đa gọi là thể nơi bĩ nhập nhân quả; mười địa của Bồ-tát gọi là thể nơi bĩ nhân quả tu sai biệt, luật nghi của Bồ-tát gọi là thể nơi giới học tăng thượng trong đây, các Tam-ma-địa của Thủ-lăng-già-ma, hư không tạng gọi là thể nơi tâm tăng thượng trong đây, trí Vô phân biệt gọi là thể nơi huệ tăng thượng trong đây, Niết-bàn vô trụ gọi là thể nơi bĩ quả đoạn, ba thân Phật là thân tự tánh, thân thọ dụng và thân biến hóa gọi là thể nơi quả báo. Do chỗ nói này mà mười xứ hiển bày ra Đại thừa khác Thanh-văn thừa. Lại nữa, hiển tối thắng thì Thế Tôn chỉ vì Bồ-tát mà nói, nên phải biết chỉ có nương Đại thừa mà chư Phật Thế Tôn có mười hành tướng ngữ thù thắng thù thắng”.

Giải thích: Thế nào là có thể hiển? Đây là hỏi duyên nghĩa gì mà sáu Ba-la-mật-đa gọi là thể nơi bĩ nhập nhân quả, là do tánh duy thức nhập khi nhập ba tự tánh, thí... nơi các Ba-la-mật-đa của thế gian gọi là nhân thanh tịnh, vì nó có thể dẫn phát xuất thế gian, từ nhập địa trở đi thì thí... Ba-la-mật-đa kia thành xuất thế gian gọi là quả thanh tịnh, mười địa của Bồ-tát gọi là thể nơi bĩ nhân quả tu sai biệt, là mười Bồ-tát địa, trước đã nói Ba-la-mật-đa về hai vị nhân quả tánh tu sai biệt ở trước. Trí Vô phân biệt gọi là thể nơi huệ tăng thượng trong đây, hoặc là các Thanh-văn lìa bốn điên đảo phân biệt gọi là vô phân biệt, hoặc chư Bồ-tát lìa phân biệt tất cả pháp gọi là vô phân biệt. Sai biệt của hai thứ vô phân biệt như vậy. Niết-bàn vô trụ gọi là thể nơi bĩ quả đoạn, là quả của ba học nên gọi là bĩ quả, bĩ quả tức là đoạn nên gọi là bĩ quả đoạn, tánh của quả này gọi là thể nơi bĩ quả đoạn, tức là nghĩa phiền não, đối tượng nhận thức của hai chướng đã đoạn. Ba thân Phật gọi là thể nơi bĩ quả trí, là quả của ba học kia nên gọi là bĩ quả, bĩ quả tức là trí nên gọi là bĩ quả trí, tánh của trí này gọi là thể nơi bĩ quả trí. Trong đây nếu không có thân tự tánh thì phải không có pháp thân, ví như nhãn căn, nếu không có pháp thân thì không có thân thọ dụng. Ví như nhãn thứ, phải biết chủ thể dựa, đối tượng dựa trong đây làm pháp đồng dụ. Nếu không có thân thọ dụng thì đã nhập đại địa, thì các chúng Bồ-tát chúng đáng lẽ không có thọ dụng pháp lạc. Nếu không có thọ dụng pháp lạc thì tư lương của Bồ-tát đáng lẽ không viên mãn, ví như thấy sắc. Nếu không

có các chúng Bồ-tát Hóa thân hành địa thắng giải, các Thanh-văn, độc-giác, thân thắng giải kém, thì phát khởi ban đầu đều không nên có, nên quyết định phải có ba thân. Hiện ra Đại thừa khác với Thanh-văn thừa, là vì trong Thanh-văn thừa không có nói mười xứ này. Lại nữa, hiển tối thắng, là hiển trong Đại thừa, mười xứ này cũng tối thắng.

Luận nói: “Lại nữa, thế nào là do mười tướng ngữ thù thắng thù thắng của Như Lai này, hiển thị Đại thừa đúng là Phật ngữ? Để ngăn cản Thanh-văn thừa là tánh Đại thừa, do mười xứ này đối với Thanh-văn thừa chưa từng thấy nói, chỉ có trong Đại thừa các kinh luận đều thấy nói, nói mười xứ này là tối có thể dẫn đến tánh đại bồ-đề, là khéo thành lập tùy thuận không trái nghịch, vì có thể chứng đắc trí của nhất thiết trí. Trong đây có hai bài tụng:

*Sở tri y và sở tri tướng,
Bỉ nhập nhân quả, bỉ tu dị,
Ba học, bỉ quả đoạn và trí,
Thừa tối thượng thâm tóm thù thắng.
Thuyết này, và kiến, bất kiến khác,
Do nhân Bồ-đề tối thắng này,
Nên nhận Đại thừa là Phật ngữ,
Do giảng mười xứ thù thắng.*

Giải thích: Tại sao lại hiển chỗ thuyết mười xứ? Là hoàn toàn có thể dẫn đến tánh đại Bồ-đề, là khéo thành lập tùy thuận không trái nghịch. “Là hoàn toàn có thể dẫn đến tánh đại Bồ-đề”, là nghĩa đại Bồ-đề có thể dẫn nhân. “Là khéo thành lập”, là do tư lương lựa chọn của chánh lý, như chỗ thuyết đạo tướng của đạo sư. “Tùy thuận”, là vì khi chứng đắc thì siêng tu hành tùy thuận trụ, như tùy chỗ nói chánh đạo của đạo sư tùy thuận mà trụ. “Không trái nghịch”, là trong các địa không có nhân chướng ngại, như tùy theo trong chỗ thuyết đạo của đạo sư không có các chướng nạn giặc cướp..., hoặc hai thứ sinh tử và Niết-bàn không trái lẫn nhau. “Lại có môn khác, là hoàn toàn có thể dẫn đến tánh đại Bồ-đề”, là có thể dẫn tánh không hý luận phân biệt. “Là khéo thành lập”, là cùng với bốn lý không trái nhau. “Tùy thuận”, là cùng với tam lượng không trái nhau. “Không trái nhau”, là không phải trước tùy thuận rồi sau trái nhau. Như có tụng nói:

*Trước nhận giữ ái, bi,
Sau tùy thuận bất thiện,
Phi ngã kiến hắc bạch,
Có ích cũng có tổn.*

“Vì có thể chứng đắc trí của nhất thiết trí”, là trong tất cả pháp, phát sinh trí Vô thượng vô gián nhất thiết hành tướng. “Khéo thành lập...” Lại có nghĩa khác, là khéo thành lập tùy thuận không trái nghịch nêu ra giải thích. Thế nào là khéo thành lập? Là giỏi tùy thuận. Thế nào là giỏi tùy thuận? Là chuyển biến không trái nghịch.

Luận nói: “Lại nữa, thế nào là thứ lớp nói mười xứ này? Là chư Bồ-tát đối với các nhân của pháp, trước hết đã thiện rồi, đối với duyên khởi phải đắc thiện xảo, kế đó đối với duyên đã sinh các pháp phải làm thiện tướng của nó, khéo có khả năng xa lìa lỗi nhị biên tăng ích và tổn giảm. Sau đó như vậy Bồ-tát khéo tu, chánh thông đạt chỗ giữ lấy tướng của thiện, khiến cho từ các chướng mà tâm được giải thoát. Tiếp theo thông đạt tướng của đối tượng nhận thức rồi, trước hết là gia hạnh vị sáu Ba-la-mật-đa, do chứng đắc nên phải càng thành mãn ý lạc tăng thượng đắc thanh tịnh. Sau nữa chỗ gồm thâu sáu Ba-la-mật-đa của ý lạc thanh tịnh, từng phần sai biệt trong mười địa, phải siêng năng tu tập, là phải trải qua ba vô số đại kiếp. Sau hết, đối với ba học của Bồ-tát phải khiến cho viên mãn. Đã viên mãn rồi thì bử quả Niết-bàn cùng với chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng phải hiện chứng, nên nói mười xứ thứ đệ như vậy.

Giải thích: Vì nói thứ lớp như vậy? Đó là hỏi “chư Bồ-tát đối với các nhân của pháp phải trước hết đã thiện rồi... Rộng nói cho đến bử quả Niết-bàn và chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng phải hiện chứng”. Đáp lại là trước hết phải biết rõ nhân của các pháp, sau đó đối với duyên khởi mới đắc thiện xảo, ắt có nhân nên quả được sinh khởi, không phải tự tại. Do đây, có thể đắc hai trí nhân quả. Kế đó đối với nhân đã sinh các pháp phải biết rõ tướng của nó. Cái gì làm tướng? Là thật không có biến kế sở chấp, quyết định chấp có gọi là tăng ích, tăng ích không có nên tổn giảm thật có tánh viên thành thật. Xa lìa lỗi nhị biên như vậy nên gọi là thiện xảo. Kế đó đối với chỗ giữ lấy tướng như vậy, do tánh duy thức phải chánh thông đạt đắc vô chướng ngại. Tiếp theo đối với sự tùy thuận nhập tánh duy thức, chỗ chứng đắc của thế tục là sáu Ba-la-mật-đa thế gian, do thắng nghĩa nên càng chứng đắc thêm nữa, là phải tu nhiếp nghĩa thanh tịnh tăng thượng thuộc ý lạc. Tiếp sau đối với mười địa từng phần sai biệt phải siêng tu tập, là phải trải qua ba vô số đại kiếp, không giống như Thanh-văn nhanh chóng ba đời, siêng tu đối trị thì chứng giải thoát. Sau đó tức là giới tăng thượng... trong tu như vậy, ba học của Bồ-tát phải khiến viên mãn. Sau cùng đối với học quả Niết-bàn kia, phiền não hoàn toàn đoạn cùng với chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, ba thân Phật phải hiện các chứng, nên nói mười xứ thứ lớp như vậy.

Luận nói: “Lại nữa, trong nói này, tất cả Đại thừa đều đắc cứu cánh”.

Giải thích: Tất cả Đại thừa đều đồng cứu cánh này, tại sao vậy? Hoặc muốn nói duyên khởi tức là nhập vào thức A-lại-da gồm sáu, hoặc muốn nói các tướng tức là nhập vào ba tự tánh gồm sáu, hoặc muốn nói chứng đắc tức là nhập vào tánh duy thức gồm sáu, hoặc muốn nói Ba-la-mật-đa tức là nhập vào Ba-la-mật-đa gồm sáu, hoặc muốn nói các địa tức là nhập vào các địa gồm sáu, hoặc muốn nói các học tức là nhập vào các học gồm sáu, hoặc muốn nói đoạn và trí tức là nhập vào Niết-bàn vô trụ và ba thân Phật gồm sáu, đồng gọi đó là tất cả Phật ngữ, nên nói thứ đệ như vậy.

PHẦN THỨ 2

(Đoạn 1)

A. SỞ TRI Y (CHỖ DỰA CỦA ĐỐI TƯỢNG NHẬN THỨC)

Luận nói: “Trong đây đầu tiên lại nói chỗ dựa của đối tượng nhận thức tức là thức A-lại-da. Thế Tôn trong kinh luận nào nói thức A-lại-da gọi là thức A-lại-da? Là đức Bạc-già-phạm trong kệ của kinh Đại thừa A-tỳ-đạt-ma nói:

*Cõi vô tử đến nay,
Tất cả pháp đồng nương,
Do đây có các cõi,
Và chứng đắc Niết-bàn”.*

Giải thích: Trong đây có thể chứng thức A-lại-da, thể của nó quyết định là thức A-lại-da. “A-cấp-ma” nói: Bạc-già-phạm từ ban đầu trong chỗ nói kinh Đại thừa A-tỳ-đạt-ma nói tụng như vậy. “Giới” là nhân, là chỗ dựa của tất cả pháp, vì hiện thấy thế gian đối với mỏ vàng mà nói tên giới, do giới này làm nhân nên nó là nhân nương dựa của tất cả pháp, thể tức là nghĩa của chỗ nương dựa. “Do hữu này”, hữu là chỗ dựa của tất cả pháp. “Chư thú”, là hết thảy các cõi trong sinh tử. “Thú” là dị thực quả. Do quả này nên hoặc là chủng loại ngoan ngu, ám á, hoặc có năng lực có thể hiểu rõ nghĩa của nói thiện, nói ác, hoặc có thể chứng đắc thượng thắng. Lại nữa, làm tánh chỗ dựa của phiền não, do tánh này nên có mãnh lợi phiền não và trường thời phiền não. Như vậy bốn thứ dị thực sai biệt chỗ dựa, không có khả năng đảm đương, phải biết ngược lại đây thì có khả năng đảm đương, không phải chỉ có các cõi do đây mà có, cũng do đây mà chứng đắc Niết-bàn, phải do có tạp nhiễm mới chứng đắc Niết-bàn.

Luận nói: Ngay trong đây lại nói tụng:

*Do thâm chứa chư pháp,
Hết thảy chủng tử thức,
Mà gọi A-lại-da,
Ta khai thị thắng giả.*

Giải thích: Đã dẫn A-cấp-ma chứng thức A-lại-da, là thể nơi chỗ dựa của đối tượng nhận thức, lại dẫn A-cấp-ma chứng thức A-lại-da gọi là thức A-lại-da. Trong tụng này câu thứ hai giải thích câu thứ nhất. “Thắng giả” tức là các chúng Bồ-tát.

Luận nói: “Như vậy lại dẫn A-cấp-ma để làm chứng, còn lí do

gì mà thức này gọi là thức A-lại-da? Hết thấy hữu sinh phẩm pháp tạp nhiễm, đối với pháp này thân chứa làm quả tánh, cũng ngay thức này đối với pháp kia thân chứa làm nhân tánh, tên đó gọi là thức A-lại-da, hoặc các hữu tình thân chứa thức này làm tự ngã, nên gọi là thức A-lại-da”.

Giải thích: Bây giờ thuận theo thức tên A-lại-da này. “Tất cả hữu sinh”, là các loài có sự sống đều gọi là hữu sinh. “Phẩm pháp tạp nhiễm” là nghĩa ngăn che thanh tịnh, trong đó chuyển khởi nên gọi là “thân chứa”. “Hoặc chư hữu tình thân chứa thức này làm tự ngã”, nghĩa là chấp giữ.

Luận nói: “Lại nữa, thức này cũng gọi là là A-đà-na thức, trong đây A-cấp-ma như kinh giải thâm mật nói:

*Thức A-đà-na thậm thâm tế,
Tất cả chủng tử như dòng thác,
Ta không khai nói cho phàm ngu,
Sợ họ phân biệt chấp làm ngã.*

Giải thích: Lại dẫn kinh giải thâm mật, tức là trong A-cấp-ma này, Phật bảo Bồ-tát ma-ha-tát quảng huệ rằng: “Này Quảng Huệ! Phải biết các hữu tình kia đọa trong sáu nẻo sinh tử. Trong các chúng hữu tình kia, hoặc tại noãn sinh, hoặc tại thai sinh, hoặc tại thấp sinh, hoặc tại hoá sinh, thân phần sinh khởi, trong đó tối sơ hết thấy chủng tử nơi tâm thức thành thực, hoà hợp tăng trưởng rộng lớn, nương vào hai chấp thọ: 1. Chấp thọ nơi chư căn hữu sắc và chỗ dựa chấp thọ. 2. Chấp thọ nơi tướng danh phân biệt ngôn thuyết hý luận tập khí. Trong cõi sắc có đủ hai thứ chấp thọ, trong cõi vô sắc thì không đủ hai thứ. Này Quảng Huệ! Thức này cũng gọi là thức A-đà-na, tại sao? Vì thức này đui theo giữ thân. Cũng gọi là thức A-lại-da, tại sao? Vì do thức này đối với thân thân nhận nghĩa tàng ẩn đồng an nguy. Cũng gọi là tâm, tại sao? Vì sắc thanh hương vị xúc của thức này tích tập tăng trưởng. Này Quảng Huệ! Thức A-đà-na làm y chỉ làm kiến lập, thân của lục thức chuyển là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức, trong đây có nhãn và sắc của thức làm duyên sinh nhãn thức, cùng với nhãn thức đồng tùy hiện hành, đồng thời đồng cảnh, có ý thức phân biệt chuyển, có nhĩ tỷ thiệt thân thức cùng với nhĩ tỷ thiệt thân thức đồng tùy hiện hành đồng thời đồng cảnh, có ý thức phân biệt chuyển. Này Quảng Huệ! Nếu trong lúc đó một nhãn thức chuyển thì lúc đó chỉ có một ý thức phân biệt cùng với nhãn thức đồng chỗ hành chuyển. Nếu lúc đó có hai, ba, bốn, năm

thức thân chuyển, thì lúc đó chỉ có một ý thức phân biệt cùng với thân nơi năm thức đồng chỗ hành chuyển. Nay Quảng Huệ! Ví như dòng thác lớn đổ, nếu có lượn sóng sinh duyên hiện tiền thì chỉ có một lượn sóng chuyển. Nếu hai hoặc nhiều lượn sóng sinh duyên hiện tiền thì có nhiều lượn sóng chuyển, nhưng tự loại của thác nước này hằng chảy không đoạn không tận, cũng như mặt gương trong sạch, nếu có một ảnh sinh duyên hiện tiền thì chỉ có một ảnh khởi, nếu hai hoặc nhiều ảnh sinh duyên hiện tiền thì có nhiều ảnh khởi; không phải mặt gương này chuyển biến thành ảnh, cũng không có sự thọ dụng giảm hết được. Như vậy, Quảng Huệ! Do thức A-đà-na tự dòng thác làm chỗ dựa làm kiến lập. Nếu lúc đó có một nhãn thức sinh duyên hiện tiền thì ngay lúc đó một nhãn thức chuyển, nếu lúc đó cho đến có thân năm thức sinh duyên hiện tiền thì lúc đó có thân năm thức chuyển. Nay Quảng Huệ! Như vậy Bồ-tát tuy do trí pháp trụ làm chỗ dựa làm kiến lập đối với tâm-ý-thức bí mật thiện xảo, nhưng tâm-ý-thức đó, các Như Lai không đồng xét đặt cho nó là tâm ý thức hết thấy bí mật thiện xảo Bồ-tát. Nay Quảng Huệ! Nếu các Bồ-tát bên trong, ai nấy như thật không thấy riêng A-đà-na không thấy thức A-đà-na, không thấy A-lại-da, không thấy thức A-lại-da, không thấy tích tập, không thấy tâm, không thấy nhãn sắc và nhãn thức, không thấy nhĩ thanh và nhĩ thức, không thấy tỷ hương và tỷ thức, không thấy thiệt vị và thiệt thức, không thấy thân xúc và thân thức, không thấy ý pháp và ý thức, đó gọi là Bồ-tát thắng nghĩa thiện xảo. Như Lai đặt cho thức kia là Bồ-tát thắng nghĩa thiện xảo. Nay Quảng Huệ! Đồng với tên này, gọi là tại tâm ý thức hết thấy Bồ-tát bí mật thiện xảo. Như Lai coi thức này ngang bằng với tâm ý thức hết thấy bí mật thiện xảo Bồ-tát, trong Đà-tha này hiển lại nghĩa đó. “Thức A-đà-na”, là chỗ giải thích tên khác. “Thâm diệu vi tế”, là chỗ khó hiểu biết. “Hết thấy chủng tử như dòng thác đổ”, là thứ lớp chuyển nên tất cả chủng tử từng sát-na như dòng thác chảy nối tiếp đổ. “Sợ họ phân biệt chấp làm ngã”, là một hành tướng chuyển nên phân biệt chấp có thể có được.

Luận nói: “Lý do gì mà thức này cũng còn gọi là thức A-đà-na? Vì chấp thọ hết thấy hữu sắc căn, tất cả tự thể nắm lấy chỗ dựa, tại sao vậy? Vì hữu sắc các căn, do thức này chấp thọ không bị hoại mất, khi thọ mạng hết thì nó chuyển theo. Lại nữa, khi tướng tục đang kết sinh, thì nó nắm lấy sự sinh đó (bỉ sinh) mà chấp thọ tự thể, nên thức này cũng còn gọi là thức A-đà-na”.

Giải thích: Vì chấp thọ hết thấy căn hữu sắc, tại sao vậy? Vì căn

hữu sắc do thức này chấp thọ, thọ mạng hết, nó tùy chuyển thì dùng thức này để giải thích, là do nhân... căn hữu sắc chỗ của thức A-lại-da, không giống như các vị xanh sinh rửa của thân chết. Nếu đến khi chết thì thức này xả lìa, thân kia liền có các vị xanh sinh rửa, nên quyết định biết thức này chấp thọ cho đến thời hạn thọ mạng thân kia bất hoại. Tất cả tự thể nắm lấy chỗ dựa, cũng là khi sự tương tục đang kết sinh nắm lấy thức kia mà sinh, chấp thọ tự thể cũng lấy thức để giải thích, vì do thức này là thức tương tục, khi tương tục đang kết sinh thì có khả năng nắm giữ tự thể một thời kỳ sống, đó là cái mà thức này nắm giữ. Vì trong thức A-lại-da một thời kỳ tự thể huân tập an trụ, thể đó khởi nên gọi là bỉ sinh, thọ bỉ sinh nên gọi là thủ bỉ sinh, do chủ thể nhận lấy nên chấp thọ tự thể. Do nghĩa đó nên thức A-lại-da cũng gọi là thức A-đa-na.

Luận nói: “Thức này cũng gọi là tâm, như Thế Tôn nói ba thứ tâm ý thức, trong đây ý có hai thứ, đệ nhất ý cùng làm tánh nơi chỗ dựa của duyên đẳng vô gián. Vô gián diệt thức có thể cùng với ý thức khởi sinh chỗ dựa. Ý đệ nhị nhiệm ô thì cùng với bốn phiền não hằng tương ứng chung: 1. Tát-ca-da kiến. 2. Ngã mạn. 3. Ngã ái. 4. Vô minh. Bốn phiền não này là chỗ dựa của thức tạp nhiễm, thức lại do chỗ dựa thứ nhất (Tát-ca-da kiến) kia sinh, vì nghĩa liễu biệt cảnh, nghĩa đẳng vô gián, nghĩa tư lương của tạp nhiễm thứ hai mà ý thành hai thứ.

Giải thích: Thức này cũng gọi là tâm, là thức A-lại-da tức là thể của tâm. Ý thức có thể được hai nghĩa sai biệt, phải biết nghĩa tâm cũng có sai biệt, để hiển thị nghĩa này nên trong đây cùng làm tánh nhân của duyên đẳng vô gián, là thức vô gián diệt cùng với ý thức làm nhân là ý thứ nhất, do bốn phiền não thường làm nó nhiệm ô.

Ý đệ nhị, Tát-ca-da kiến trong đây, là tánh chấp ngã, do thế lực này liền khởi ngã mạn, ý vào ngã và ngã sở mà tự cao. Đối với thật vô ngã mà khởi có ngã tham gọi là ngã ái, ba thứ như vậy do vô minh làm nhân. Vô minh, tức là thức vô trí, lại do chỗ dựa thứ nhất kia sinh. Tạp nhiễm thứ hai, là thức vô gián diệt gọi là ý, cùng với thức sắp sinh dung thọ xứ sở nên làm chỗ dựa của sinh, ý đệ nhị nhiệm ô làm chỗ dựa của tạp nhiễm, vì trong tâm thiện cũng chấp có ngã. Do nghĩa liễu biệt cảnh, nghĩa đẳng vô gián, nghĩa tư lương mà ý thành hai thứ, là trong đây do nghĩa giữ lấy cảnh gọi là thức, do cùng với nghĩa của xứ gọi là ý thứ nhất, do chấp ngã thành nghĩa tạp nhiễm gọi là ý thứ hai.

Luận nói: “Lại nữa, làm sao biết được có ý nhiệm ô? Ý này nếu không có vô minh bất cộng thì không nên có thành lỗi, lại nữa năm đồng pháp cũng không nên có thành lỗi, tại sao vậy? Vì năm thức thân

chắc chắn có chỗ dựa cùng hiện hữu của nhãn... Lại nữa, huấn thích từ cũng không nên có thành lỗi, lại cũng định vô tướng và định diệt tận sai biệt không có thành lỗi. Nói chỗ hiển nhiệm ý của định vô tướng không phải là định diệt tận. Nếu không như thế thì hai thứ định này phải không có sai biệt. Lại cũng vô tướng thiên trong một thời kỳ sinh đáng lẽ không có nhiệm ô thành lỗi, trong đó nếu không có ngã chấp và ngã mạn, lại cũng tất cả thời ngã chấp hiện hành có thể được. Nói tâm thiện, bất thiện và vô ký, nếu bất thiện thì chỉ có tâm bất thiện, vì tương ứng với ý nhiệm ô kia, có phiền não của ngã, ngã sở hiện hành không phải thiện và vô ký, nên nếu lập cùng có hiện hành, không phải tương ứng hiện hành thì không có lỗi này. Trong đây tụng nói:

*Nếu vô minh bất cộng,
Cùng với năm pháp đồng,
Huấn từ hai định khác,
Không có đều thành lỗi. Vô
tướng sinh nên không, Ngã
chấp chuyển thành lỗi, Ngã
chấp hàng đuổi theo, Hết
thấy chúng không có. Ý tạp
nhiệm không có,
Hai ba thành tương ứng,
Không tất cả xứ này,
Ngã chấp không nên có.
Chân nghĩa tâm đang sinh,
Thường hay làm chướng ngại,
Cùng hành tất cả phần,
Là vô minh bất cộng.*

Vì ý nhiệm ô này nên tánh hữu phú vô ký cùng với bốn phiền não thường cùng tương ứng, như hai triền phiền não của cõi Sắc và cõi Vô sắc, là tánh hữu phú vô ký của nó gồm thấu. Triền của cõi Sắc và cõi Vô sắc làm chỗ thấu chứa của Tam-ma-địa, ý này vi tế theo đuổi mọi lúc.

Giải thích: Văn này lại lấy đạo lý khác để thành lập ý nhiệm ô. Cái gì gọi là thành lập đạo lý? Là đạo lý này nếu không có vô minh bất cộng thì không được có. Vô minh bất cộng, tướng nó như thế nào? Là khi chưa sinh đối trị thì nó có thể chướng chân trí ngu. Tướng này đối với năm thức lý không tương ứng, vì xứ đó không có dung chứa có thể làm chướng ngại. Nếu xứ có chủ thể trị thì xứ này có đối tượng được

đối trị, tại nơi ý thức nhiễm ô, cũng không được nói thức này không có. Vì các hoặc khác hiện hành gọi là không thành. Nếu lập phiền não này tại ý thức nhiễm ô, thì nó hoàn toàn thành tánh nhiễm ô. Vì sao các tâm thí... được thành thiện? Vì cùng với phiền não này hằng tương ưng. Nếu nói có ý thức cùng với pháp thiện đồng thời chuyển, thì ý thức này liền cùng với phiền não kia tương ưng, là ý thức nhiễm ô dẫn sinh chủ thể đối trị, là không đúng đạo lý. Nếu nói ý nhiễm ô đồng thời chuyển có tâm thiện, thì tâm thiện này dẫn sinh năng trị, đây sinh kia diệt thì không sai. Lại cũng có năm pháp đồng, tại sao vậy? Ví như năm thức nhãn... thì ắt có năm căn như nhãn... Làm chỗ dựa cùng hiện hữu. Như vậy ý thức cũng phải quyết định có chỗ dựa cùng hiện hữu. Lại nữa, vì từ huấn thích, tại sao vậy? Vì có thể tư lương nên gọi là ý. Từ ngữ huấn thích này y chỉ chỗ nào? Không phải sáu thức kia cùng với vô gián thức làm chỗ dựa, phải đúng đạo lý, vì đã diệt mất. Lại nữa, vì hai thứ định sai biệt, tại sao vậy? Nếu quyết định nói có ý nhiễm ô thì trong định vô tưởng liền có ý này, trong định khác thì không có, nên hai định có sai biệt. Nếu trái với điều này, thì ý thức thứ sáu trong hai định đều không hiện hành, phải không sai biệt. Lại nữa, sinh trong vô tưởng phải không có ngã chấp, tại sao vậy? Nếu trong vị kia không có ý nhiễm ô, thì một thời kỳ kia sinh là phải không có ngã chấp. Nếu như thế thì không bị bậc Thánh quả rầy. Đã bị quả trách nên quyết định biết trong vô tưởng kia có ngã chấp. Lại nữa, ngã chấp đi theo, tại sao vậy? Trong các vị của thí... quyết định có ngã chấp đi theo, ngã chấp đi theo này, nếu lìa vô minh là không đúng đạo lý. Không phải vô minh này lìa chỗ dựa, vì chỗ dựa này lìa ý nhiễm ô thì không có riêng thể, nên phải quyết định thừa nhận có ý nhiễm ô. Nếu không thừa nhận thì có lỗi trên. Hiểu lại các nghĩa kia nên có bốn kệ. “Nếu vô minh bất cộng... cho đến rộng nói”, vô minh bất cộng trong đây là đối với phiền não của tất cả thiện bất thiện và vô ký. Trong vị trí phiền não thì ý nhiễm ô tương ưng với câu sinh vô minh. Nếu câu sinh vô minh kia không có thì mắc sai lớn. Thường đối với chướng ngại khổ nơi trí sinh, là nghiệp dụng của nó. Đây tức là hiển lỗi không có nghiệp dụng. Năm pháp đồng, là ý thức thứ sáu cùng với năm thức thân có tương tự pháp. Tương tự pháp kia có năm căn, thức A-lại-da làm chỗ dựa cùng hiện hữu, năm pháp đồng này cũng vậy vì có ý nhiễm ô, thức A-lại-da làm chỗ dựa cùng hiện hữu. Năm pháp đồng này lìa ý nhiễm ô thì quyết định không có nó. Đây là hiển lỗi không có tự tánh. Huấn từ nếu không mắc lỗi, thì nắm lấy tướng nơi đối tượng duyên mà tư lương, khi vô gián diệt có thể nắm lấy cảnh thì gọi là ý. Quá khứ

đã diệt không có đối tượng làm tư lương, làm thế nào để có tánh của chủ thể làm tư lương? Huấn từ không có nên thành lỗi lớn. Hai định riêng khác, là trong định diệt tận không có ý nhiễm ô, trong định vô tưởng thì có ý nhiễm ô. Nếu định này không có thì sai biệt của hai định đáng lẽ không có, mắc lỗi lớn. Lại nữa, nếu ý nhiễm ô không có, thì trong vô tưởng thân đáng lẽ không có ngã chấp. Không khác với sinh, trong tương tục tạm lìa ngã chấp là đúng đạo lý. Các lỗi như vậy lìa ý nhiễm ô đều quyết định phải được, nên phải quyết định thừa nhận có ý nhiễm ô. Để hiển nghĩa này nên nói không có hai (vô hữu nhị). Nhị tức là vô minh bất cộng và năm tướng tợ pháp. Ba thứ trái nhau là từ huấn thích hai định sai biệt, ngã chấp hằng tùy trong sinh vô tưởng và lìa ý nhiễm ô, ba sự như vậy đều thành trái nhau. Không có xứ này thì ngã chấp không nên có, là lìa ý nhiễm ô trong các vị của loại thiện, thì ngã chấp luôn tùy theo đáng lẽ không được có, nên phải quyết định thừa nhận có ý nhiễm ô. Các văn khác dễ hiểu, không cần giải thích.

Luận nói: “Tâm thể đệ tam nếu lìa thức A-lại-da thì tâm thể riêng không thể được, nên thành tựu thức A-lại-da lấy làm tâm thể, do thức làm chủng tử thì ý và thức chuyển”.

Giải thích: Tâm thể thứ ba nếu lìa thức A-lại-da thì không có tánh riêng, do thức này làm nhân nên ý và chuyển thức đều được sinh khởi, kiến thủ chuyển thức phải biết cũng là giữ lấy ý thứ hai, tại sao vậy? Vì khi sắp diệt thì được tên là ý.

Luận nói: “Nhân duyên gì mà cũng gọi là tâm? Vì do chỗ tích tập vô số pháp huân tập chủng tử”.

Giải thích: Lại muốn giải thích tên, nên đặt câu hỏi này. Do vô số pháp, là do pháp mỗi mỗi riêng khác phẩm loại. Huân tập chủng tử, là nhân của công năng sai biệt. Chỗ tích tập, là nghĩa tích tụ tướng nhất hợp.

Luận nói: “Lại nữa, tại sao trong Thanh-văn thừa không nói tâm này? Gọi là thức A-lại-da, gọi là thức A-đà-na, vì do chỗ gồm thâu của cảnh sâu xa vi tế này. Tại sao vậy? Do các Thanh-văn không đối với hết thấy cảnh trí xứ chuyển, nên đối với họ tuy nói tâm này, nhưng trí mới đắc thành giải thoát thành tựu, nên không nói cho họ. Nếu các Bồ-tát quyết định đối với hết thấy cảnh trí xứ chuyển, thì nói cho Bồ-tát. Nếu lìa trí này thì không dễ chứng đắc trí của nhất thiết trí.”

Giải thích: Do chỗ gồm thâu của cảnh sâu xa vi tế ấy, là cảnh giới này thâm diệu vi tế nên gọi là cảnh thâm diệu vi tế. Ngay trong cảnh ấy thâu tóm các pháp khó hiểu. Không phải các Thanh-văn vì cầu hết thấy

cảnh giới trí, nên siêng năng tu hành chỉ có chánh mong cầu tự nghĩa lợi, Thanh-văn kia do chánh trí về khổ thô thiển liền có thể vĩnh viễn đoạn phiền não chướng. Nếu các Bồ-tát vì lợi mình, lợi người cầu đoạn phiền não và đối tượng nhận thức chướng mà siêng năng tu hành, nên giảng cho Bồ-tát.

